

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 01 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng Văn Thủy

2. Ông Giàng Seo Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

1. *Nguyên đơn:* Chị Thào Thị M, năm sinh 1990

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Ly Seo C, năm sinh 1986

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

3. *Người phiên dịch:* Anh Giàng Seo P, năm sinh 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thào Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị M và anh Ly Seo C về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2005, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc chung sống của anh chị là tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M bị bệnh phải đi chữa nhưng anh C không đồng ý, chị phải vay mượn tiền để đi chữa bệnh, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh C không quan tâm đến chị

và có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2017, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm giữa chị và anh C không còn, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ly Seo C.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị M và anh C có ba con chung: Cháu Ly Seo L, sinh ngày 05/7/2006; cháu Ly Seo P, sinh ngày 27/11/2007, cháu Ly Thị B, sinh ngày 25/01/2009; do anh C không cho chị nuôi con nên các cháu đang ở cùng anh C, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu B, anh C được nuôi dưỡng cháu L, cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị và anh C đều làm ruộng, trồng trọt và chăn nuôi tại địa phương, thu nhập một tháng của chị khoảng 2.000.000 đồng, thu nhập của anh C khoảng 3.000.000 đồng/01 tháng, chị và anh C đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ly Seo C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C nhất trí với chị M trình bày về thời gian và quá trình chung sống giữa anh và chị M. Do công việc của anh không có thời gian ở nhà nhiều nên năm 2007 chị M tự bỏ anh đi, anh đã đi tìm nhưng không thấy chị M, từ đó đến nay anh và chị M đã sống ly thân. Nay chị M làm đơn xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn chị Thảo Thị M.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh C nhất trí với chị Thảo Thị M trình bày về con chung, hiện ba cháu đang ở cùng anh tại nhà riêng của anh chị; sau khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả ba cháu: Cháu Ly Seo L, cháu Ly Seo P; Ly Thị B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh trồng trọt và chăn nuôi tại địa phương, thu nhập một tháng khoảng 3.000.000 đồng đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên tòa anh C yêu cầu chị M phải trả cho anh sinh lễ gồm: 01 con trâu; 3,6 đồng bạc trắng và 5.000.000 đồng.

- Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Ly Seo L, cháu Ly Seo P có nguyện vọng được ở với anh Ly Seo C; cháu Ly Thị B có nguyện vọng được ở với chị Thảo Thị M.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

+ Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Thảo Thị M và anh Ly Seo C là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao chị M được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ly Thị B, sinh ngày 25/01/2009; Giao cho anh C được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ly Seo L, sinh ngày 05/7/2006; cháu Ly Seo P, sinh ngày 27/11/2007 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị M và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về sinh lễ: Không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thảo Thị M và anh Ly Seo C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, cho đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa chị M và anh C là hôn nhân không hợp pháp; nay anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị M xin ly hôn. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Thảo Thị M và anh Ly Seo C là vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Thảo Thị M và anh Ly Seo C có ba con chung là cháu Ly Seo L, sinh ngày 05/7/2006; Ly Seo P, sinh ngày 27/11/2007; cháu Ly Thị B, sinh ngày 25/01/2009; các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Cháu B có ý kiến xin được ở với chị M, cháu L, cháu P có ý kiến xin được ở với anh C. Sau khi ly hôn chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu B, anh C được nuôi dưỡng cháu L, cháu P; anh C đề nghị được nuôi cả ba cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị M, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị M và anh C đều đều trồng trọt và chăn nuôi tại địa phương, thu nhập một tháng của chị M khoảng 2.000.000 đồng/ 01 tháng, thu nhập của anh C khoảng 3.000.000 đồng/ 01 tháng. Anh chị có nhà riêng tại thôn P, xã L, huyện B.

Xác minh tại địa phương thì anh chị đều làm nghề trồng trọt và chăn nuôi tại địa phương, điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con. Xét về khả năng và điều

kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì chị M và anh C đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung; hiện cháu L, cháu P đang ở cùng anh C và có nguyện vọng ở cùng anh C, thu nhập của anh C cao hơn chị M; cháu B có nguyện vọng ở cùng chị M. Nên cần giao cho anh C nuôi dưỡng cháu L, cháu P; giao cho chị M nuôi dưỡng cháu B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với việc anh C yêu cầu chị M phải trả cho anh sinh lễ gồm: 01 con trâu; 3,6 đồng bạc trắng và 5.000.000 đồng. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh không đưa ra yêu cầu trả sinh Lễ, tại phiên tòa anh mới yêu cầu và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Tòa án sẽ thụ lý và giải quyết trong vụ án khác nếu anh C có yêu cầu và cung cấp đủ các tài liệu chứng cứ.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Thảo Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Thảo Thị M và anh Ly Seo C là vợ chồng.

Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Ly Thị B, sinh ngày 25/01/2009 cho chị Thảo Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Ly Seo L, sinh ngày 05/7/2006; cháu Ly Seo P, sinh ngày 27/11/2007 cho anh Ly Seo C được trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị M và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Thào Thị M phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004035 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- Lưu: HS, THS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương